

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN: NGŨ VĂN - KHỐI 10
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Việc tử tế không phải là những gì to tát, phi thường mà đôi khi chỉ là một hành động nhỏ bé nhưng vô cùng giá trị như câu chuyện được lan truyền trên mạng xã hội của cậu bé Đạt “thông cống” khi trời mưa, câu chuyện của nữ sinh nhật được của rơi trả người đánh mất, cụ bà 80 tuổi với kinh nghiệm 20 năm và đường không công, sư thầy nhận nuôi hàng trăm trẻ mồ côi... Hay đơn giản, việc tử tế chỉ là hành động thể hiện thái độ sống tích cực, hành động kính trên nhường dưới, có trước có sau, dắt cụ bà qua đường, nhặt rác nơi công cộng...

Việc tử tế không phải một ngày, cũng không phải một tháng, một năm mà là toàn bộ thời gian chúng ta đang sống. Vì vậy, hãy tiếp tục lan tỏa những việc làm tử tế mỗi ngày để góp phần xây dựng một cuộc sống tốt đẹp và nhân văn hơn.

(Theo Quang Vũ – Trái lòng về việc tử tế - Nguồn: kenh14.vn đăng ngày 26/6/2020)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo tác giả, những câu chuyện tử tế “vô cùng giá trị ... được lan truyền trên mạng xã hội” là những câu chuyện nào?

Câu 3. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu sau: “Hay đơn giản, việc tử tế chỉ là hành động thể hiện thái độ sống tích cực, hành động kính trên nhường dưới, có trước có sau, dắt cụ bà qua đường, nhặt rác nơi công cộng ...”

Câu 4. (1,0 điểm) Anh/chị có đồng ý với tác giả rằng: “Việc tử tế không phải một ngày, cũng không phải một tháng, một năm mà là toàn bộ thời gian chúng ta đang sống” hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề **làm thế nào để lan tỏa việc tử tế trong môi trường học đường.**

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích bài thơ sau:

*Một mai, một cuộc, một căn câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu đến cội cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

(Nhàn – Nguyễn Bình Khiêm – Sách Ngữ văn 10 - tập 1)

HẾT

ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Nghị luận, biểu cảm	0,5
	2	Câu chuyện được lan truyền trên mạng xã hội của cậu bé Đạt “thông công” khi trời mưa, câu chuyện của nữ sinh nhật được của rơi trả người đánh mất, cụ bà 80 tuổi với kinh nghiệm 20 năm và đường không công, sư thầy nhận nuôi hàng trăm trẻ mồ côi	0,5
	3	- Liệt kê: “việc tử tế chỉ là hành động thể hiện thái độ sống tích cực, hành động kính trên nhường dưới, có trước có sau, dắt cụ bà qua đường, nhặt rác nơi công cộng...” - Điệp từ: “hành động” - Tác dụng: nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu văn, nhấn mạnh ý nghĩa và chỉ ra những hành động tử tế của con người trong cuộc sống.	1,0
	4	Học sinh chọn đồng ý hoặc không đồng ý và đưa ra lý giải hợp lệ. Đồng ý vì làm việc tử tế không phải chỉ làm một lần, hai lần mà phải là cả cuộc đời, bằng những việc làm và hành động vô cùng đơn giản. Như vậy chúng ta mới có thể trưởng thành mỗi ngày, cảm thấy sống có ý nghĩa hơn và xã hội cũng sẽ ngày càng lan tỏa nhiều hơn những tấm gương người tốt việc tốt...	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	NLXH	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn	0,25
		Có thể trình bày theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25
		Cách đề việc tử tế lan tỏa trong môi trường học đường	
		c. Lựa chọn thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề theo nhiều cách nhưng cần làm rõ nội dung	1,0
		- 1 câu mở đoạn: việc tử tế là cần thiết và quan trọng trong nhà trường, một môi trường học đường tràn ngập việc tử tế thì sẽ lan tỏa ra xã hội góp phần tạo nên một xã hội văn minh, tốt đẹp. - Các câu khai triển đoạn: + Người sống tử tế là người có văn hóa, có phẩm chất và nhân cách tốt đẹp, luôn sống chan hòa, yêu thương và hết lòng vì người khác. Làm việc tử tế mỗi ngày giúp bản thân cảm thấy mình có ích, có trách nhiệm...từ đó ngày càng hoàn thiện hơn... + Trong môi trường học đường, việc tử tế bắt đầu bằng những việc làm và hành động nhỏ nhặt như lễ phép với thầy cô giáo, tôn trọng bạn bè, tuân thủ các quy định về học tập và kỷ luật, vệ sinh của nhà trường, không ăn uống vứt rác bừa bãi, nhặt được của rơi trả lại cho bạn... + Tham gia các hoạt động của nhà trường như phong trào nuôi heo đất ủng hộ quỹ khuyến học LVC, ủng hộ miền Trung lũ lụt, các phong trào thiện nguyện đoàn... + Tuyên truyền, vận động và chia sẻ những tấm gương việc tốt người tốt, hoặc những hành động đẹp ở bên ngoài xã hội vào nhà trường để góp phần xây dựng một môi trường học đường văn minh, lành mạnh hơn. + Một vài câu chuyện, tấm gương tử tế điển hình... + Phê phán những cá nhân thiếu ý thức... - 1 câu kết đoạn: khẳng định lại lần nữa ý nghĩa của việc sống tử tế mỗi ngày. Từ đó đưa ra những bài học nhận thức và hành động để góp phần lan tỏa những việc tử tế trong môi trường học đường.	
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
		Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
		e. Sáng tạo	0,25
		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	2	NLVH	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,5

	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,5
	Phân tích bài thơ “Nhàn” của nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm.	
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp theo trình tự, sử dụng tốt các thao tác lập luận, biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng, có cảm nhận sâu sắc.	3,0
	- Mở bài: giới thiệu khái quát vài nét về nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm và bài thơ “Nhàn” - Thân bài: * Hai câu đề: Hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm. - Mai, cuốc, cần câu: Là những dụng cụ lao động cần thiết, quen thuộc của người nông dân. - Phép liệt kê kết hợp với số từ “một”: Gợi hình ảnh người nông dân đang điem lại công cụ làm việc của mình và mọi thứ đã sẵn sàng. - Nhịp thơ 2-2-3 thông thả đều đặn → Cuộc sống ở quê nhà của Nguyễn Bỉnh Khiêm gắn bó với công việc nặng nhọc, vất vả, lam lũ của một lão canh điền. - Trạng thái “thơ thần”: chăm chú vào công việc, tỉ mỉ -> Tâm trạng hài lòng, vui vẻ cùng trạng thái ung dung, tự tại của nhà thơ. => Hai câu thơ khái quát hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở quê nhà vất vả, lam lũ, mệt nhọc nhưng tâm hồn lúc nào cũng thư thái, thanh thản. * Hai câu thực: Quan niệm sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm - Nghệ thuật đối: ta – người, đại – khôn: nhấn mạnh quan niệm sống mang tính triết lí, thâm trầm của nhà thơ. - Nghệ thuật ẩn dụ: + “Nơi vắng vẻ”: Tượng trưng cho chốn yên tĩnh, thưa người, nhịp sống yên bình, êm ả. Ở đây ngụ ý chỉ chốn quê nhà + “Chốn lao xao”: Tượng trưng cho chốn ồn ào, đông đúc huyên náo, tấp nập, cuộc sống xô bồ, bon chen, giành giật, đố kỵ. Ở đây chỉ chốn quan trường. ⇒ Thể hiện quan niệm sống “lánh đục về trong” của Nguyễn Bỉnh Khiêm * Hai câu luận: Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở chốn quê nhà. - Việc ăn uống: Thu ăn măng trúc, đông ăn giá. Là những món ăn thôn quê dân già, giản dị thanh đạm và có nguồn gốc tự nhiên, tự cung tự cấp. - Chuyện sinh hoạt: Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao...Thói quen sinh hoạt tự nhiên, thoải mái, có sự giao hòa, quấn quýt giữa con người với thiên nhiên. ⇒ Hai câu thơ miêu tả bức tranh bốn mùa có cả cảnh đẹp, cả cảnh sinh hoạt của con người ⇒ Sự hài lòng về cuộc sống đạm bạc, giản dị, hòa hợp với tự thiên mà vẫn thanh cao, tự do thoải mái của Nguyễn Bỉnh Khiêm. * Hai câu kết: Triết lí sống nhàn - Sử dụng điển tích: Cõi phú quý tựa như một giấc chiêm bao -> Thể hiện sự tự thức tỉnh, tự cảnh tỉnh mình và đời, khuyên mọi người nên xem nhẹ vinh hoa phù phiếm. ⇒ Triết lí sống Nhàn: Biết từ bỏ những thứ vinh hoa phù phiếm vì đó chỉ là một giấc mộng, khi con người nhắm mắt xuôi tay mọi thứ trở nên vô nghĩa, chỉ có tâm hồn, nhân cách mới tồn tại mãi mãi. ⇒ Thể hiện vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm: Cõi khinh danh lợi, cốt cách thanh cao, tâm hồn trong sáng. - Kết bài + Khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ Nhàn + Liên hệ thực tế, bài học nhận thức rút ra	
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,5
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	e. Sáng tạo	0,5
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm	

